

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

K.58.2/17



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TIẾP CẬN CDIO
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

**(Ban hành theo quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)**

Nghệ An, năm 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



Võ Thị Thuý Hằng



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TIẾP CẬN CDIO
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Ban hành theo quyết định số 747 /QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Nghệ An, năm 2017

Số: 747/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 27 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO
theo hệ thống tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học; Quyết định số 695/QĐ-BGDĐT ngày 18/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT; Công văn số 1093/BGDĐT-GDDH ngày 4/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện danh mục ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học sau chuyển đổi;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành "Đề án xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO giai đoạn 2016 - 2020";

Căn cứ đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo các khoa, viện đào tạo về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO các ngành theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy các ngành đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ:

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2017 (khoá 58) trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp;
Trưởng các khoa, viện đào tạo và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

Số: 08 /HD-ĐHV

Nghệ An, ngày 17 tháng 4 năm 2017

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chương trình đào tạo đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO

Ngày 17 tháng 4 năm 2017, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2017 (khóa 58) theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV. Để các khoa, viện đào tạo và các đơn vị liên quan thực hiện, Nhà trường hướng dẫn như sau:

1. Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2017 (khóa 58) trở đi, trong đó:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa đối với hệ 4 năm là 125 tín chỉ, tối đa 36 học phần, đối với hệ 5 năm là 150 tín chỉ, tối đa 46 học phần (không bao gồm kiến thức về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

Đối với các khóa đào tạo Đại học chính quy từ năm 2016 trở về trước được thực hiện theo chương trình đào tạo đã ban hành (kèm theo các Quyết định số 2041/2009/QĐ-ĐT ngày 11/9/2009, Quyết định số 2224/QĐ-ĐHV ngày 05/9/2011, Quyết định số 3242/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2014, Quyết định số 3357/QĐ-ĐHV ngày 15/9/2015 và Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016 của Hiệu trưởng Nhà trường).

Riêng Ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh được thực hiện theo chương trình Đào tạo khóa 57 (ban hành theo Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016 của Hiệu trưởng Nhà trường).

2. Tỷ lệ giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, thí nghiệm, tự học đã được ghi ở cột "Tỷ lệ lý thuyết/T.luận, bài tập, (T.hành)/tự học"; trong đó giờ *thực hành thí nghiệm, thực tế, thực địa, đồ án học phần, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập tốt nghiệp,...* để trong ngoặc đơn ().

Mỗi tín chỉ trong chương trình Đào tạo được tính như sau:

- Đối với giờ lý thuyết: Tổ chức thành 15 tiết trên lớp học.
- Đối với giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: Tổ chức thành 22,5 tiết trên lớp học hoặc phòng thực hành, thí nghiệm.

- Đối với giờ thực tế chuyên môn, thực hành nghiệp vụ sư phạm, thực địa: Tổ chức thành 30 tiết.

- Đối với giờ thực tập cuối khóa: Tổ chức thành 60 tiết tại cơ sở thực tập

Giờ lên lớp: 50 phút/tiết học.

3. Kiến thức Giáo dục Thể chất cho sinh viên không chuyên: Được tích hợp thành một học phần 5 tín chỉ (15/(60)/150) gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 4 tín chỉ thực hành do khoa Giáo dục Thể chất phụ trách

Điểm đạt cấp chứng chỉ $\geq 5,0$ điểm (theo thang điểm 10)

4. Kiến thức Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cho các ngành không chuyên): gồm 3 học phần 8 tín chỉ do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Trường Đại học Vinh phụ trách

Cụ thể:

1. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (QP11001): 3 tín chỉ (45/0/90)

2. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (QP11002): 2 tín chỉ (30/0/60)

3. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (QP11003): 3 tín chỉ (15/(30)/90)

Điểm trung bình các học phần đạt cấp chứng chỉ $\geq 5,5$ điểm (tính theo thang điểm 10) trong đó không có học phần nào bị điểm F.

Học phần Giáo dục Thể chất và các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh được bố trí học trong khoảng thời gian từ học kỳ 1 đến học kỳ 3 do Nhà trường quyết định cho từng ngành, từng khóa; được thực hiện dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Phòng Đào tạo.

Nhà trường tổ chức học tập trung tích hợp thời gian học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh trong thời gian 6 tuần lễ tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Trường Đại học Vinh.

Đánh giá kết quả học tập Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh:

- Đối với các học phần lý thuyết:

+ Điểm chuyên cần thái độ: do giảng viên phụ trách lớp chịu trách nhiệm theo quy định.

+ Điểm đánh giá giữa học phần và thi kết thúc học phần theo hình thức test-online.

Trung tâm Đảm bảo chất lượng chỉ đạo và phối hợp với Khoa Giáo dục Thể chất và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Trường Đại học Vinh xây dựng ngân hàng đề thi và tổ chức thi, kiểm tra.

- Đối với các học phần thực hành: Các điểm thành phần do giảng viên phụ trách lớp chịu trách nhiệm theo quy định.

Kết quả học tập Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh không tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa mà được tính để cấp các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên.

5. Kiến thức Ngoại ngữ:

- Đối với sinh viên Việt Nam học 2 học phần: Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ) và Tiếng Anh 2 (4 tín chỉ).

Để được xét tốt nghiệp sinh viên cần đạt được trình độ ngoại ngữ B1 (bậc 3) và trình độ C1 (bậc 5) đối với sinh viên ngành: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh theo khung tham chiếu Châu Âu, kết quả thi được xét để cấp chứng chỉ.

- Đối với sinh viên nước ngoài học 2 học phần: Tiếng Việt 1 (3 tín chỉ) và Tiếng Việt 2 (4 tín chỉ) dành cho sinh viên người nước ngoài.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Quản lý sinh viên

Quản lý sinh viên được thực hiện theo các quy định của Nhà trường.

6.2. Tổ chức dạy học

a) Lập kế hoạch dạy học:

Căn cứ vào chương trình đào tạo Hiệu trưởng đã phê duyệt, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, viện đào tạo và các đơn vị liên quan lập kế hoạch giảng dạy cho từng học phần.

Giảng viên có trách nhiệm giảng dạy đầy đủ các nội dung của từng học phần trong Đề cương chi tiết học phần và phải cung cấp Đề cương chi tiết, tài liệu tham khảo cho sinh viên vào tuần học đầu tiên của học kỳ. Nhà trường và các khoa, các viện đào tạo có trách nhiệm theo dõi kiểm tra việc thực hiện nề nếp, nội dung dạy, học và thi kết thúc học phần theo quy định.

b) Tổ chức đăng ký học:

Sinh viên đăng ký học các học phần theo từng học kỳ qua mạng Internet.

Hai học kỳ đầu sinh viên được Nhà trường và các khoa chủ quản tổ chức đăng ký học và học các lớp học phần theo ngành hoặc nhóm ngành.

Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, viện đào tạo chủ quản, các đơn vị liên quan chỉ đạo các Trường bộ môn, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên,... hướng dẫn, tư vấn và tổ chức đăng ký học cho sinh viên trước mỗi học kỳ.

7. Học cùng lúc hai chương trình:

Sinh viên có nguyện vọng học cùng lúc hai chương trình được thực hiện theo Điều 17 của Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Điều 14 của Quy định đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (Ban hành theo Quyết định số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

8. Việc tổ chức dạy học, xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa 58 được thực hiện theo đúng Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh (Ban hành theo Quyết định số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

Trên đây là hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo khóa 58. Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, điều chỉnh, các khoa, viện đào tạo đề xuất với Nhà trường (qua Phòng Đào tạo) bằng văn bản để Nhà trường xem xét./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các khoa, viện đào tạo
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ	1
2	Hướng dẫn thực hiện chương trình khóa 58	3
3	Kế toán	6
4	Tài chính - Ngân hàng	8
5	Quản trị kinh doanh	10
6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	12
7	Kinh tế nông nghiệp	14
8	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	16
9	Kỹ thuật Điện tử truyền thông	18
10	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	20
11	Kỹ thuật xây dựng	22
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	24
13	Công nghệ thực phẩm	26
14	Công nghệ kỹ thuật hóa học	28
15	Công nghệ thông tin	30
16	Nông học	33
17	Nuôi trồng thủy sản	35
18	Khoa học môi trường	37
19	Quản lý tài nguyên và môi trường	39
20	Quản lý đất đai	41
21	Khuyến nông	43
22	Chính trị học	45
23	Quản lý văn hóa	47
24	Việt Nam học (Chuyên ngành Du lịch)	49
25	Quản lý giáo dục	51
26	Công tác xã hội	53
27	Báo chí	55
28	Luật	57
29	Luật kinh tế	59
30	Sư phạm Toán học	61
31	Sư phạm Tin học	63
32	Sư phạm Vật lý	65
33	Sư phạm Hóa học	67
34	Sư phạm Sinh học	69
35	Sư phạm Ngữ Văn	71
36	Sư phạm Lịch sử	73
37	Sư phạm Địa lý	75
38	Giáo dục chính trị	77
39	Giáo dục tiểu học	79
40	Giáo dục mầm non	81
41	Giáo dục thể chất	83
42	Sư phạm tiếng Anh	85
43	Ngôn ngữ Anh	87
44	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	89

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY TIẾP CẬN CDIO

NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành)/Tự học	Khối kiến thức	Phân kỳ	Khoa/Viện đảm nhận
1	HIS20001	Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	1	Lịch sử
2	POL20001	Lôgic hình thức	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	1	GD Chính trị
3	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	1	SP Ngữ văn
4	ENG10001	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	1	SP Ngoại ngữ
5	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	Bắt buộc	4	40/20/120	GDĐC	1	Luật
6	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	Bắt buộc	5	50/25/150	GDĐC	2	GD Chính trị
7	INF20002	Tin học	Bắt buộc	3	30/(15)/90	GDĐC	2	Viện SPTN
8	SOW20001	Xã hội học đại cương	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2	Lịch sử
9	LAW20002	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2	Luật
10	EDU20004	Tâm lý học đại cương	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2	Giáo dục
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	Bắt buộc	(3)	45/0/90	GDĐC	1-3	GDQP-AN
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	Bắt buộc	(2)	30/0/60	GDĐC	1-3	GDQP-AN
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	Bắt buộc	(3)	15/(30)/90	GDĐC	1-3	GDQP-AN
	SPO10001	Giáo dục thể chất	Bắt buộc	(5)	15/(60)/150	GDĐC	1-3	GD Thể chất
11	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	20/10/60	GDĐC	3	GD Chính trị
12	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	3	Lịch sử
13	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	3	Lịch sử
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	Bắt buộc	4	45/15/120	GDĐC	3	SP Ngoại ngữ
15	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	3	GD Chính trị
16	SOW30001	An sinh xã hội	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	4	Lịch sử
17	SOW30002	Chính sách xã hội	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	4	Lịch sử
18	SOW30003	Hành vi con người và môi trường xã hội	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	4	Lịch sử
19	SOW30006	Lý thuyết công tác xã hội	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	4	Lịch sử
20	SOW30007	Phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	4	Lịch sử
21		Tự chọn 1	Tự chọn	2		GDCN	4	Lịch sử
22	SOW30008	Công tác xã hội với cá nhân	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	5	Lịch sử
23	SOW30009	Công tác xã hội với nhóm	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	5	Lịch sử
24	SOW30010	Tham vấn trong Công tác xã hội	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	5	Lịch sử
25	SOW30011	Thực hành nghiên cứu trong Công tác xã hội	Bắt buộc	3	0/(45)/90	GDCN	5	Lịch sử
26	SOW30012	Thực tế chuyên môn Công tác xã hội	Bắt buộc	3	0/(45)/90	GDCN	5	Lịch sử
27	SOW30013	Công tác xã hội trong trường học	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	6	Lịch sử
28	SOW30014	Công tác xã hội với người khuyết tật	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	6	Lịch sử
29	SOW30015	Phát triển cộng đồng	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	6	Lịch sử
30	SOW30016	Quản trị ngành Công tác xã hội	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	6	Lịch sử
31	SOW30017	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và nhóm	Bắt buộc	5	0/(75)/150	GDCN	6	Lịch sử
32		Chuyên ngành - Chuyên đề 1	CN	4		GDCN	7	Lịch sử
33		Chuyên ngành - Chuyên đề 2	CN	4		GDCN	7	Lịch sử
34		Chuyên ngành - Chuyên đề 3	CN	4		GDCN	7	Lịch sử
35	SOW30028	Thực hành phát triển cộng đồng	Bắt buộc	3	0/(45)/90	GDCN	7	Lịch sử
36	SOW30031	Thực tập cuối khóa	Bắt buộc	5	0/(75)/150	GDCN	8	Lịch sử
		Cộng:		125				

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần

1	SOW30004	Kĩ năng giao tiếp	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	4	Lịch sử
2	SOW30005	Kĩ năng thuyết trình	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	4	Lịch sử

Chuyên ngành (Chỉ chọn 1 chuyên ngành)

Chuyên ngành 1: An sinh xã hội và phát triển cộng đồng (Chọn 3 trong 6 học phần sau)

1	SOW30018	Bảo hiểm xã hội	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
2	SOW30023	Công tác xã hội với người nghèo	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
3	SOW30024	Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
4	SOW30027	Quản lí ca trong Công tác xã hội	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
5	SOW30029	Ưu đãi và trợ giúp xã hội	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
6	SOW30030	Xây dựng và quản lí dự án Công tác xã hội	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử

Chuyên ngành 2: Công tác xã hội với các nhóm đối tượng đặc thù (Chọn 3 trong 6 học phần sau)

1	SOW30019	Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
2	SOW30020	Công tác xã hội với gia đình	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
3	SOW30021	Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
4	SOW30022	Công tác xã hội với người cao tuổi	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
5	SOW30025	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử
6	SOW30026	Công tác xã hội với trẻ em	CN	4	45/15/120	GDCN	7	Lịch sử

Nghệ An, ngày 27 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



GS. TS. Đinh Xuân Khoa